

Số: 03/2025/QĐST - DS B, ngày 19 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLST-TCDS ngày 11 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần M; địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, D, Cầu G, Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Duy T1 – Trưởng phòng xử lý nợ miễn B

Đại diện theo uỷ quyền lại của Công ty Cổ phần M và Ngân hàng V: Ông Lê Văn C - Chuyên viên xử lý nợ Công ty Cổ phần M.

2. Ngân hàng TMCP V1 (V); địa chỉ: Tòa nhà V số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Hoàng L- Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thái S**, sinh năm 1970 và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979; nơi cư trú: **Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán:

- Theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 21/3/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/3/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ **Ngân hàng Đ**: LN2312141222935 ngày 14/12/2023 và Hợp đồng vay hạn mức số: 10185608 ngày 17/5/2024.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng số: 07/2024/VPB-MARS ngày 31/5/2024, **Ngân hàng TMCP VI (V)** bán cho **Công ty M** một phần khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay giữa **Ngân hàng TMCP VI (V)** với ông **Nguyễn Thái S** và bà **Nguyễn Thị H**, cụ thể như sau: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10185608 ngày 17/05/2024; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/03/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/12/2023. Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 21/3/2023.

Đại diện **Công ty M** và ông **Nguyễn Thái S**, bà **Nguyễn Thị H** thống nhất thỏa thuận: Tính đến ngày 11/02/2025, ông **Nguyễn Thái S** và bà **Nguyễn Thị H** còn nợ **Công ty M** số tiền 1.353.054.278 đồng (*Một tỷ ba trăm năm mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng*), trong đó: nợ gốc 1.185.288.748 đồng, nợ lãi trong hạn 7.078.209 đồng, nợ lãi quá hạn 151.183.477 đồng, nợ lãi chậm trả 9.503.844 đồng.

Đại diện **Ngân hàng TMCP VI (V)** và ông **Nguyễn Thái S**, bà **Nguyễn Thị H** thống nhất thỏa thuận: Tính đến ngày 11/02/2025 ông **Nguyễn Thái S** và bà **Nguyễn Thị H** còn nợ **Ngân hàng TMCP VI** số tiền 142.666.528 đồng (*Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*), trong đó: nợ gốc 127.081.575 đồng; nợ lãi trong hạn 786.467 đồng, nợ lãi quá hạn 14.026.827 đồng, nợ lãi chậm trả 771.659 đồng.

Về thời gian trả nợ: Các bên đương sự thoả thuận: chậm nhất vào ngày 18/4/2025, ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả nợ cho Công ty M số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 11/02/2025 số tiền 1.353.054.278 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng) và trả nợ cho Ngân hàng TMCP VI (V) số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 11/02/2025 số tiền 142.666.528 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày 12/02/2025 trở đi cho đến khi thi hành xong các khoản nợ, ông S và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 21/3/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/3/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ: LN2312141222935 ngày 14/12/2023 và Hợp đồng vay hạn mức số: 10185608 ngày 17/5/2024. Lãi phát sinh phải trả cho Công ty M và Ngân hàng TMCP VI (V) tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp: Các bên thống nhất thoả thuận trong trường hợp ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị H vi phạm thời gian trả nợ đã cam kết thì Công ty M và Ngân hàng TMCP VI (V) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 253, tờ bản đồ số: 15, diện tích 1315,6m² tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BU 972874, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01067 do UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị H ngày 24/4/2016 theo Hợp đồng thế chấp số: LN2303218694977 ngày 28/3/2023 để thu hồi các khoản nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Công ty M và Ngân hàng TMCP VI (V) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty M và Ngân hàng TMCP VI (V) cho đến khi trả hết các khoản nợ.

2.3. Về án phí vụ kiện:

Các bên đương sự thoả thuận: Ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị H thoả thuận nộp 28.435.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

